

XÃ HỘI VIỆT NAM BUỔI GIAO THỜI QUA SÁNG TÁC CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG

◆ TS. NGUYỄN THANH TÂM

Nếu chỉ hiểu rằng “Số đỏ” là số phận may mắn của một nhân vật thì thực chưa đánh giá hết tầm vóc Vũ Trọng Phụng, đặc biệt là tư tưởng nghệ thuật, tư tưởng xã hội của ông. Thêm nữa, trước khi là tiểu thuyết gia, Vũ Trọng Phụng là “vua phóng sự”, bởi thế, chất phóng sự, nhất là tư liệu, hẳn sẽ ám ảnh, thậm chí, xâm nhập vào cấu trúc tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng rất nhiều. Từ góc nhìn của phóng sự, tư liệu, thông qua nghệ thuật tiểu thuyết, hình ảnh của phong hoá thời đại, xã hội hiện lên có khi lại sinh động hơn, gần với thực tại vốn có của nó hơn. Bởi, chính Vũ Trọng Phụng đã nói trong *Lục xì*, “việc này không phải chỉ là một vấn đề xã hội. Việc này lại là một vấn đề phong hoá nữa”¹.

Trong phóng sự nhiều kỳ *Hà Nội ban đêm*, đăng trên *Phong hoá* (từ số 36 đến số 60, năm 1933), Việt Sinh (Thạch Lam) - Tràng Khanh đã cung cấp rất nhiều chi tiết về cái gọi là “Số đỏ”². Theo đó, số đỏ là những số nhà sơn đỏ, được các sở kiểm dịch y tế gán cho các nhà thổ. Những cô gái bán dâm trong các nhà thổ này phải đến y tế để trình báo và kiểm tra, cấp phép hành nghề. Có điều, khi đã vào dạng “Số đỏ”, nghĩa là hết thời, hết sắc, sắp về già - dĩ rạc rầy. Nhà thổ ở Hà Nội rất nhiều, nhưng chỉ có khoảng hơn 30 nhà có “Số đỏ”³. Những cô gái “Số đỏ” là loại làm đi chuyên nghiệp hay như Vũ Trọng Phụng viết trong *Lục xì*: đi nhà nước - dĩ có giấy, “buôn bán có môn bài”.



số đỏ

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Trong thiên phóng sự này, Việt Sinh cũng nêu lên thái độ của xã hội đối với loại gái “Số đỏ”: khinh bỉ, ghê tởm, xa lánh. Dĩ nhiên, trong vai trò là các ký giả thâm nhập Hà Nội ban đêm, Việt Sinh và Tràng Khanh cũng như tinh thần của *Phong hoá* là phê bày cuộc sống đáng thương của một bộ phận người trong xã hội thời bấy giờ⁴. Hạng gái “Số đỏ” trong mắt xã hội đương thời là những kẻ đê tiện, hèn hạ, sống những nơi nhơ bẩn. Về thân xác, đó là “cái kho vi trùng

các bệnh nguy hiểm”⁵ những kẻ mang ủ và gieo rắc mầm bệnh lậu, giang mai,... là những bệnh rất phổ biến trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Các loại thuốc trị bệnh lậu, giang mai được rao rất nhiều, trên khắp các mặt báo – có thể thấy qua *Phong hoá - Ngày nay*. Cũng theo số liệu mà Vũ Trọng Phụng khai thác được từ Sở vệ sinh và các bác sĩ Pháp ở Hà Nội, 74% lính Pháp ở Bắc Kỳ bị bệnh hoa liễu (1914), 70% người bị bệnh về mắt là do biến chứng từ bệnh lậu, cứ 4000 trẻ sơ sinh chết trong đó có chừng 1000 trẻ là do cha mẹ mắc giang mai, lậu⁶. Ta cũng hiểu vì sao Xuân Tóc Đỏ lại có nghề rao thuốc lậu.

Như thế, lấy tên tác phẩm là *Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng không chỉ ám chỉ số phận may mắn của Xuân. *Số đỏ* là một ẩn dụ, một ám chỉ (thậm chí hơn thế) cho tất cả các nhân vật trong tác phẩm. Đặt các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng trong một mạch liên tục, *Cơm bữa người*, *Cơm thầy cơm cô*, *Lục xì*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Làm đi*, *Số đỏ*, *Giông tố*, ta sẽ thấy chủ đề và những quan tâm rộng lớn hơn số phận một con người của Vũ Trọng Phụng (và có một thực tế là Vũ Trọng Phụng đâu cần phải quan tâm đến số phận của một tên ma cà bông như Xuân Tóc Đỏ). *Số đỏ*, như thế phải là một diễn ngôn về đặc tính của xã hội lúc bấy giờ. Nó không chỉ là xã hội “chó đừ” như Vũ Trọng Phụng đã thốt ra, mà tóm hơn: Dĩ bọm – “cái nạn làm đi của loài người xưa nay”⁷. Một xã hội đi. Dĩ từ thằng già đến thằng trẻ, từ đàn ông đến đàn bà, từ gái có chồng, chết chồng đến chưa chồng. Dĩ từ thi sĩ, nhà thể thao đến thầy lang, sư sãi. Dĩ không chỉ là nghề mại dâm nữa, mà là phong hoá. Nó không còn đơn thuần chỉ việc mua bán tình dục, mà là một biểu

tượng phô bày bản chất xã hội. Từ Xuân Tóc Đỏ, Cự Cố Tố, Cự Cố Hồng, Mụ Phó Đoan, Vợ chồng Văn Minh, Cô Hoàng Hôn, Cô Tuyết, Ông Typn, Em Chã, Sư cụ Tăng Phú, các quan khách dự đám ma cụ Cố, cậu Tú Tân,... mỗi nhân vật đều hiện lên với cái vẻ nét dĩ bọm riêng của mình. Nhân vật nào cũng đáng cười, đáng khinh, bệnh hoạn, đáng ghê tởm. Nhưng, tất cả lại được giấu sau vẻ rất phong lưu, lịch lãm, sang trọng của giới trường giả. Những lớp che phủ ấy không khác gì lớp sơn phấn nước hoa trên người gái bán dâm. Nó che giấu cái tật bệnh, ung nhọt, nhơ nhớp bên trong. Điều này ta cũng có thể thấy qua *Lục xì* – phóng sự của Vũ Trọng Phụng. Một câu chuyện khác có liên quan đã nói rõ hơn tinh thần này của Vũ Trọng Phụng, đó là cuộc gặp gỡ của Minh Phương (NXB Minh Phương), Nguyễn Vỹ và Vũ Trọng Phụng. Trong cuộc nói chuyện đó, Vũ Trọng Phụng thừa nhận ông viết *Lục xì* để nói cái bẩn. Nếu đọc mà không ghê tởm thì chẳng hiểu gì hoặc xem như không đọc gì Vũ Trọng Phụng⁸.

Hãy tưởng tượng, tiểu thuyết *Số đỏ* như một ngôi nhà, ngôi nhà đó được đóng số đỏ, chúng ta sẽ thấy đầy đủ hơn nhân quan xã hội của Vũ Trọng Phụng. Trong *Lục xì*, Vũ Trọng Phụng đưa ra con số Hà Nội có hơn 5000 gái mại dâm (chưa kể hàng ả đào và gái nhảy các vùng ngoại ô – *Lục xì*). Con số này do Sở Liêm phóng (Sở mật thám) cung cấp cũng là số liệu đáng tin cậy. Tính ra, Hà Nội khi ấy, dân số có mười tám vạn, cứ 35 người thì có một người làm đi. Hoàng Thiếu Sơn (trong lời giới thiệu ở đầu *Lục xì*) cũng nói rằng, nên đọc *Lục xì* như một tài liệu khoa học, y tế. *Lục xì* là bệnh viện - phúc đường, để chữa bệnh cho gái mại dâm ở Hà Nội.

Trong một chú thích ở *Lục xì*: Nhà số đỏ: “Nhà chứa gái đi ngày ấy. Số nhà phải ghi thành chữ đỏ, để phân biệt với các nhà thường dân mà số nhà đều màu xanh”⁹. Đọc *Lục xì* chúng ta thấy thái độ của Vũ Trọng Phụng đối với nạn điếm: “vết rất thương đáng ghê tởm của nhân loại”¹⁰. Vì thế, nếu phải chọn một từ để lột tả hết bản chất, đặc tính của xã hội khiến cho nhà văn họ Vũ phải tởm lợm đến thế chỉ có thể là từ đi/số đỏ. Có lẽ, những phần uất với cuộc đời, số phận đã chi phối khá nhiều đến điểm nhìn và thái độ của Vũ Trọng Phụng. Phải lựa chọn một biểu tượng nào đó để phô bày hết tất cả bản chất, đặc tính của xã hội và lòng được vào đó thái độ của người viết đã đưa Vũ Trọng Phụng đến với *Số đỏ*. Cũng cần liên hệ thêm, trong một mạch khác của sự diễn giải, ngay ở đó, ta cũng có thể đọc ra những đau đớn của văn sĩ như Vũ Trọng Phụng đã trót sa chân vào. Phải chăng, văn sĩ cũng chính là một loại điếm – bán miệng nuôi tròn (một ý thơ của Nguyễn Duy – *Nhìn từ xa... Tổ quốc*). Vũ Trọng Phụng phải viết foieuton trên báo để kiếm tiền. Ông viết trong trạng thái không nhớ mình đã viết gì, diễn biến câu chuyện đến đâu. Điều này, dù thật tàn nhẫn vẫn không sao ngăn được liên tưởng về câu chuyện hành nghề của gái nhà đỏ. Những kẻ buộc phải làm thứ công việc mà chẳng yêu đương, thích thú, lạc khoái gì, chỉ để kiếm sống, nuôi thân. Nếu trong *Kỹ nghệ lấy Tây*, Vũ Trọng Phụng ví cái giường của mẹ Me Tây với cây dùi cui của thầy đội Sếp thì thiết tưởng ta cũng có thể ví cái giường của gái nhà đỏ với bản viết của hạng văn sĩ rẻ tiền. Vũ Trọng Phụng ý thức đến đau đớn bi kịch của mình, vì thế lại càng phần uất. Và có thể nào, trong chính những

trang viết của mình, ông đã tự chửi rửa bản thân, miệt thị thứ văn chương, viết lách mà ông vẫn hàng ngày lặn xả vào để kiếm sống.

Nhìn lại những thời điểm các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng ra đời: *Cạm bẫy người* (1933), *Kỹ nghệ lấy Tây* (1934), *Số đỏ* (1936), *Làm đi* (1936), *Lục xì* (1937), chúng ta nhận ra những quan tâm thường xuyên và cả những ám ảnh của Vũ Trọng Phụng với mảng đề tài này. Như thế, vấn đề tình dục hay cái dâm trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng không phải là một trọng tâm, mà sâu hơn đó là vấn đề cái bản, ô uế, đồi bại, ghê tởm của xã hội, của phong hoá. Nói rõ hơn, *Số đỏ* là diễn ngôn về đặc tính dâm – đi của xã hội Việt Nam buổi giao thời. Chẳng thế, Lưu Trọng Lư trong điệu văn đọc trước mộ Vũ Trọng Phụng đã viết: “Tất cả sự nghiệp của Vũ Trọng Phụng là phơi bày, là chế nhạo tất cả những cái ròm, cái xấu, cái bản tiện, cái đồi bại của một hạng người, một thời đại”¹¹. Như thế, hiện thực của *Số đỏ* là gì? Với những tư liệu có được về “Số đỏ”, có thể nói đó là một hiện thực đi bọm. Hiện thực ấy hiện lên với đầy đủ tính chất: ròm, bản, xấu xa của nó. Nhưng, ròm cũng có nhiều dạng thái. Có cái ròm khiến người ta buồn cười, lảng tránh. Có cái ròm khiến người ta ghét, khinh. Có cái ròm khiến người ta vừa cười, vừa ghét, vừa khinh lại vừa ghê tởm. Ấy chính là cái ròm của “Số đỏ”, cái ròm lợm của một ổ đi. Có lẽ, những biểu hiện này là nguyên nhân để toà truy tố Vũ Trọng Phụng về tội “chửi phong hoá”¹².

Vì sự nhục nhã, xấu xa nên không ai dám công khai việc mãi dâm, mại dâm. Thành ra, số gái mại dâm có số đỏ ở Hà Nội rất ít (phần nhiều là đi trốn thuế). Số nhà có số đỏ cũng rất ít. Điều này gọi lên những suy luận

về việc Vũ Trọng Phụng làm động tác cấp số đỏ cho thế giới mà mình tạo nên trong tiểu thuyết *Số đỏ*. Tất cả đều được đóng số đỏ, nghĩa là được cấp phép, được kiểm duyệt, được công khai hoá. Vậy thì, tiểu thuyết *Số đỏ* hẳn là một sự công khai hoá những kẻ mại dâm của xã hội Việt Nam lúc ấy. Một người nhạy cảm với cái xấu, cái ác, cái đều, cái ghê tởm... như Vũ Trọng Phụng, không thể đứng ngoài vấn đề mại dâm vốn là vấn đề rất lớn của Hà Nội (và Sài Gòn) những năm 30, 40 của thế kỷ XX. Trong một trích dẫn từ nghiên cứu của mình, Đặng Văn Chi nêu lên việc gài mại dâm bị buộc muôn nghìn tội lỗi¹³. Mại dâm thành một cái nạn và liên tục trên báo chí các bài phóng sự điều tra được tiến hành. Điều đó, lý giải vì sao, “đĩ” trở thành một biểu tượng, thái thái trường cảm xúc, thái độ của Vũ Trọng Phụng đối với xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Còn từ gì xấu xa hơn từ “đĩ” để nói về cái xấu của xã hội lúc ấy. Vũ Trọng Phụng là nhà văn sành sỏi về chữ nghĩa, ông đặc biệt xuất sắc về ngôn ngữ, giọng điệu, cấu trúc cùng các thủ pháp tạo dựng tình huống, ngữ cảnh, biểu đạt. Do vậy, nếu chỉ hiểu *Số đỏ* là vận mệnh nhân vật Xuân Tóc Đỏ thì chẳng phải đã đánh giá chưa hết Vũ Trọng Phụng hay sao?

Cần phải nhấn mạnh tại đây một luận điểm của Peter Zinoman, đó là: “viễn kiến chính trị của Vũ Trọng Phụng”. Ở bài báo cáo của mình (*Cộng hòa Thuộc địa của người Việt: viễn kiến chính trị của Vũ Trọng Phụng*), P. Zinoman đã chỉ ra nhạy cảm của Vũ Trọng Phụng là “thấy trước được những vấn đề chính trị cấp bách và gây chia rẽ nhất trong thời đại họ sống”. P. Zinoman dẫn lời Lan Khai, năm 1941: “Sự thực các vai truyện

do anh tạo ra đều chín phần mười là những kẻ đa dâm có khi rất quái ác”. Ông cũng nhấn mạnh: “Cũng như với nhiều nhà phê bình chống thực dân khác, với Vũ Trọng Phụng, sự phát triển bùng nổ của tình dục thương mại và bệnh lậu tượng trưng cho tác động hủy hoại của chủ nghĩa tư bản thuộc địa đối với văn hóa Việt Nam”; “Vũ Trọng Phụng là “kẻ thù thâm căn cố đế của mọi dối trá và đạo đức giả, của mọi phù hoa và nghi thức khoa trương”. Quan trọng hơn hết là Vũ Trọng Phụng đã “chống đối”. Điều này phù hợp với tuyên bố của Lan Khai rằng tình cảm kiên định nhất ở Vũ Trọng Phụng là “phẫn uất với bất công” hơn là ủng hộ một lý tưởng rành mạch hay một viễn kiến cải cách rõ ràng nào”¹⁴. Từ những phân tích, nhận định này, soi chiếu trở lại không chỉ *Số đỏ*, phong hoá xã hội, thời đại hiện lên một cách khá đậm nét.

Tuy nhiên, nếu lại chỉ thấy việc thể hiện cái xấu, cái đều, cái bẩn, cái nhơ nhớp, ung nhọt của xã hội để xa lánh, để ghê tởm, xem ra lại cũng chưa đánh giá hết Vũ Trọng Phụng. Nhân quan của ông, qua tác phẩm, qua các cuộc tranh luận dâm hay không dâm và dường như qua cả cốt cách, đạo đức, luân lý trong con người tiểu sử Vũ Trọng Phụng... có thể thấy, ông viết về cái xấu đó để lên tiếng, kêu gọi sự thay đổi, chấn hưng xã hội, cứu vớt các giá trị trước cảnh “phong hoá suy đồi”. Thằng Xuân và thế giới đĩ trong *Số đỏ* cũng chỉ là nạn nhân, là cái uế tạp sinh ra từ cơ thể xã hội đang nung ủ ung nhọt, lở loét đến hồi bực võ. Hẳn là, Vũ Trọng Phụng thấm thía bị kịch bị đẩy đến nước làm đĩ: “sờ dĩ có hạng phụ nữ ra thân làm đĩ” bị “tiếng đời dị nghị chê bai... xã hội mĩa mai, miệt thị, nhà đạo đức,

luân lý gọi là thứ vô giáo dục, kém đạo đức làm rối loạn lễ giáo phong tục" đó, "không phải tội lỗi nơi họ" mà là "tội ác của xã hội"¹⁵. Điều đó thì có khác gì những thân phận khác, không lấy tròn nuôi miệng thì cũng lấy miệng nuôi tròn (ý thơ Nguyễn Duy). Vũ Trọng Phụng đau đớn khi chính mình cũng lâm vào bước đường cùng ấy. Xét cho cùng, trên bình diện phong hoá, sức ép của thị trường, cuộc mưu sinh đã kích hoạt "đĩ tính" trong mỗi con người và trong xã hội.

Chúng ta cần phải trở lại với Peter Zinoman và quan điểm cho rằng, Vũ Trọng Phụng thể hiện viễn kiến chính trị của ông trước các diễn biến nhức nhối của xã hội. Dường như, với những tác phẩm thể hiện sự suy đồi về phong hoá của xã hội, bác bỏ các chủ thuyết chính trị khác, hướng tới một nền cộng hoà, ưu tiên giáo dục tri thức, sức khoẻ cho con người là một tham vọng của Vũ Trọng Phụng. Vậy thì, những phóng sự, tiểu thuyết, truyện ngắn, tranh biện của ông có lẽ chỉ là một tiền đề hay sự hiện ra của tư tưởng cộng hoà. Điều đó, dường như lại ngày càng quan trọng hơn trong hoàn cảnh đương đại mà dù hình thái có thay đổi nhưng căn tính vẫn giữ nguyên của một xã hội thuộc địa. Rõ ràng, nhận định của Đỗ Đức Hiếu, sau này là Nguyễn Huy Thiệp, Hoàng Tố Mai rất chính xác. Số đỏ hoàn toàn là một thể giới tương tượng đến hoang tưởng¹⁶, khó định dạng, bởi nó được tạo nên bởi trí tưởng tượng của một người phần uất đến tận cùng. Cái nghèo đói, bần hàn, quần bách của đời sống đã khiến cho Vũ Trọng Phụng dồn tất cả sự uất ức của mình vào đám thượng lưu. Nhưng, làm sao để ai cũng phần uất như ông, ai cũng khinh bỉ, miệt thị,

ghê tởm như ông, chỉ có thể dùng hình ảnh một một ổ dịch hạch, bệnh hoạn. Mà thứ bệnh hoạn, dịch hạch ấy phải là từ nhà thổ, từ những kẻ làm đĩ có số hoặc không có số. Ta thấy, trong tác phẩm, dù viết thế nào, dù xoay tình tiết, ngôn ngữ, nhân vật, không gian nào, cái dâm vẫn là không khí bao trùm. Vì dâm mà đều. Vì dâm mà loạn. Vì dâm mà ngoại tình. Vì dâm mà hãm hiếp. Sự cải cách, tiến bộ, tân thời chung quy đều làm cho cái dâm này nở đến mức ngay cả những nhà cải cách tiên phong nhất cũng nản lòng trước ý muốn cải tạo xã hội. Trong con mắt Vũ Trọng Phụng, đó là một xã hội cổ vũ cho cái dâm, xem dâm loạn là biểu hiện của tiến bộ, tân thời. Nhưng, dĩ lại chính là khi cái dâm được che đậy bằng những hình thức thơm tho, tử tế: phấn son, nước hoa, thời trang, những phát ngôn cải cách xã hội. Từ góc độ giá trị, cái rơm nào đáng ghê tởm nhất? Cái rơm của ái tình – tình dục, bằng son phấn, nước hoa và áo quần che đậy thứ bệnh tật bên trong. Thậm chí, Vũ Trọng Phụng đã đẩy lên một trạng thái cực kỳ đối nghịch: cái dâm được che đậy bằng sự chính chuyên – tiết hạnh khả phong. Quả thực, mỗi nhân vật trong *Số đỏ*, rộng ra là cả xã hội thượng lưu, được xem là tiến bộ, tân thời ấy, đều là một tín hiệu gọi lên cái dâm ô. Vũ Trọng Phụng khinh bỉ, ghét cay ghét đắng cái trạng thái phong hoá ấy. Ông phải tương vào mặt nó cái thứ đồi bại nhất, tởm lợm nhất là xem chúng như hạng đĩ điếm.

Vũ Trọng Phụng phải viết để kiếm sống, phải chạy theo những sở thích, sự tò mò của công chúng để có thể in bài. Trong hoàn cảnh cá nhân như thế, trong xã hội Hà Nội có tới 5000 gái điếm, nhiều nhà thổ, trên báo

chí quảng cáo thuốc lậu, phòng tích, thuốc chữa bệnh phụ nữ, dược phòng, kiện thận, các mỹ viện, nước hoa, âu phục, dạy cách trang điểm, đánh phấn bôi môi, sửa eo, sửa răng, dạy khiêu vũ... như thế, Vũ Trọng Phụng phải viết cái gì? Mỗi năm có mấy trăm cô gái nhảy Hồ Trúc Bạch, Hồ Tây tự tử vì tình, cái dâm trở thành một chủ đề “hot” nhất lúc ấy (và thực ra lúc nào cũng vậy), một nhà văn, nhà báo nhạy cảm lại cần tiền để nuôi thân, nuôi gia đình phải viết cái gì? Sự lựa chọn của một nhà văn viết feuerton đó là: chọn một tiêu đề nào gọi lên sự tò mò nhất của công chúng. Không gì khác là số đỏ – biểu tượng của gái điếm và nhà thổ, cụ thể là cái dâm – sex. Chưa cần biết nội dung bên trong, cũng như những trang web đen bây giờ, những tiêu đề trên báo lá cải... liên quan đến sex lập tức thu hút người đọc. Vũ Trọng Phụng lẽ nào không biết điều đó. Một dẫn chứng cho thấy cái tên *Số đỏ* thu hút như thế nào lại gọi lên từ một bài viết của Kiều Thanh Quế¹⁷ (*Làm đi của Vũ Trọng Phụng*). Trong bài này, Kiều Thanh Quế bày tỏ việc bị lôi cuốn bởi cái tên sách *Làm đi*, mua về đọc lại không thấy hứng thú như khi đứng ở quầy sách. Như thế, Kiều Thanh Quế mua sách vì bị hấp dẫn bởi cái tên *Làm đi*. Trở lại, *Số đỏ* vốn được biết đến trong xã hội là loại số nhà nước cấp cho nhà thổ, gái điếm. Vậy thì, trước khi nó là cuốn tiểu thuyết, cái tên số đỏ gọi người ta đến việc đi điếm, mua bán tình dục vậy. Vũ Trọng Phụng viết feuerton, lại càng nắm bắt được tâm lý này của công chúng.

Thêm một chứng cứ nữa, nếu đọc báo chí đương thời và đặt ra câu hỏi: Ai đọc báo? Ai đọc thơ Xuân Diệu? Ai đọc phóng sự, tiểu

thuyết của Vũ Trọng Phụng, của Tự lực văn đoàn?... Đó là tầng lớp trung lưu thành thị có tiền, có thời gian, có học, đang bị làn sóng Âu hoá tác động rất mãnh liệt. Vậy thì, không gì hấp dẫn những quý ông, quý bà, quý cô, quý cậu... thời ấy bằng những chuyện tình lãng mạn, những tin giật gân, những tin hiệu ái ân. Mà, *Số đỏ* lại rành rành ra đây là tin hiệu của gái điếm, của nhà thổ. Vậy là đúng “tầm đón nhận” của lớp công chúng có tiền mà nhàn rỗi lúc bấy giờ. Cái quái, cái láu lỉnh tinh nhạy và cũng là phẩm chất đặc biệt của một nhà báo là ở đây. Vũ Trọng Phụng đã tận dụng rất tốt quy luật của thị trường. Ông viết tác phẩm đề cập đến hầu hết các vấn đề nóng của xã hội. Thế nên, dù người ta chê bai, miệt thị ông, ghét ông, cảnh giác ông mà vẫn lén lút đọc ông. Vũ Trọng Phụng, trong những phóng sự, những bình luận báo chí của mình đã cho thấy ông rất tinh quái. Điều đó dường như sẽ đem đến những biện hộ cho việc ông cài cắm sự tinh quái đó trong cách đặt tiêu đề tiểu thuyết. Tại sao không?

Vũ Bằng trong hồi ký *Bốn mươi năm nói láo* cho biết, thời ấy, làm báo là chửi, chửi càng hăng, càng nhiều thì độc giả càng đông. Trong hiện tình báo chí rùm beng, rối loạn, xô bồ như dạo đó, đến mức “Bác phó may Tràng Tiền quảng mẹ cả kim cả chỉ cả kéo cả vạch để sẵn vào làng văn”¹⁸ thì việc phải tìm một cách nào đó để được chú ý, để bán được báo là điều cần thiết. Thế là người ta chửi: chửi đời, chửi người, chửi Tây Tàu nhớ nhặng, Âu hoá... Nhà văn chửi nhà văn. Nhà báo chửi nhà báo. Báo chí chửi nhau, cạnh khoẻ nhau. Không khó gì để lần ra trong mớ bong bóng, hậm hoè, hục hặc

ấy, Vũ Trọng Phụng không mang sẵn một dự định chủi trong việc viết lách của mình. Thế thì, ông chủi đời, chủi người, chủi phong hoá suy đồi, chủi tân thời, văn minh, gái mới, Âu hoá, cải cách, rôm đời, giả, đểu, lừa bịp, giàu có phè phỡn, thượng lưu mà hạ đẳng, bình dân ngu ngốc, dốt nát lại học đời... Ông nhồi tất cả vào cái rọ ghê tởm nhất, gắn với bệnh tim la (tiêm la), lậu, giang mai, hoa liễu... Chỉ có cái ghê tởm của dĩ mới thoả được cái phẫn uất, cái dụng ý chủi của Vũ Trọng Phụng. Thử tìm xem trong bối cảnh Việt Nam khi ấy, cái gì khiến người ta xa lánh, ghê tởm hơn dĩ – thứ dĩ nung ủ trong mình những máu mủ tật bệnh.

Mại dâm là một hiện tượng xã hội. Nếu thời trung đại, sự quan hệ tình dục ngoài vợ chồng thường có thể được xem là một nghi lễ dâng hiến lên thần thánh, thì với sự phát triển của thị thành kiểu phương Tây, yếu tố thị trường, hàng hoá phát triển đã đẩy những hình thức này sang trạng thái mua bán, kinh doanh, lợi nhuận¹⁹. Như thế, một liên tưởng không phải không có căn cứ chính là, mại dâm, dĩ điếm (dầu trong xã hội trung đại đã có kỹ nữ) chính là hiện hình ở chiều kích ghê tởm của xã hội hiện đại, của thị trường. Ở khía cạnh này, thương mại tình dục như một tệ nạn, ta hiểu ý Henri Miler khi ông đòi hỏi việc gạt bỏ phương diện gớm ghiếc của cuộc hiện sinh, nhằm hướng đến những nhận thức tốt đẹp hơn về đời sống²⁰. Vũ Trọng Phụng viết *Làm dĩ, Số đồ, Kỹ nghệ lấy Tây, Lục xì*... có thể nào không dẫn chúng ta đến những suy tư về việc cá nhân cảm nhận sự thay đổi của xã hội từ góc độ mại dâm – nhất là một người ưa khám phá, thâm nhập thực tế và rất có tài phóng

sự như Vũ Trọng Phụng. Đó không đơn giản là phong hoá suy đồi mà đó là những biểu hiện của sự thay đổi đặc tính xã hội, của các biểu trưng, các chỉ dấu nhận diện thời đại. Lịch sử cận hiện đại Việt Nam có thể khai thác, phục hoạt từ nhiều góc độ và mại dâm có thể là một góc nhìn về đời sống xã hội, sinh thái tinh thần của con người Việt Nam. Con số gái mại dâm, nhà thổ, bệnh dịch, nhà thương – lục xì, các hàng thuốc trị bệnh lậu, giang mai... và cả những tác phẩm như của Vũ Trọng Phụng đáng được xem là những dữ kiện xã hội học, nhân học quan trọng. Tiếp cận từ hướng này, xem ra đến được gần hơn với cấu trúc tinh thần xã hội Việt Nam thời cận hiện đại.

Số đồ có thể được xem là một biểu hiện của tình trạng “chấn thương” nào đó ở Vũ Trọng Phụng. Sự căng thẳng lâu dài của tinh thần dẫn đến những biểu lộ có chiều hướng cực đoan không phải là không nhận thấy trong những trang tiểu thuyết, phóng sự của Vũ Trọng Phụng. Như Karen L.Thorber đã chỉ ra, sự căng thẳng lâu dài đó “quấy rối sự nguyên vẹn của cá nhân”²¹. Rõ ràng, sự liên quan nào đó của tiểu sử luôn làm bận lòng những phân tích về thái độ và ứng xử của Vũ Trọng Phụng đối với cuộc đời, xã hội. Cái nghèo túng kéo dài, gánh nặng nuôi sống gia đình, những cảnh sống giàu có, đủ đầy trước mắt... là những nhân tố khiến sự phẫn uất không ngừng được tăng lên trong cảm xúc, tinh thần của nhà văn. Thế nên, có thể hiểu được ở khía cạnh những tổn thương của Vũ Trọng Phụng khi ông xây dựng thế giới *Số đồ*. Ông muốn nhét tất cả vào cái nhà thổ tởm lợm ấy cho thoả sự uất ức của mình. Trong *Làm dĩ*, ông để cho nhân

vật nhấn mạnh: “Ông ghét nhất quân đạo đức giả”²². Đạo đức giả, đểu, bần thiêu, lừa lọc... là những chứng bệnh của xã hội trong sự nhập nhằng “Á Áu tranh hùng”, “Mưa Âu gió Mỹ” mà trong mắt Vũ Trọng Phụng nó đục khoét như những vi trùng giang mai, hoa liễu. Mỗi liên hệ ở đây chính là trường liên tưởng của Vũ Trọng Phụng. Cơ sở của liên tưởng là cuộc đời ông, cảnh sống của ông, cảnh sống của bọn thượng lưu hạ đẳng, của đám trưởng giả đạo đức giả, sự lên ngôi của cái rơm... Ông cần một đối tượng để liên hệ đến. Và, để thích đáng nhất cho liên tưởng của mình, ông chọn số đỏ. Số đỏ là phương thuốc để tự chữa trị những “chấn thương” cho Vũ Trọng Phụng. Và từ đó, qua những biểu hiện nơi tiểu thuyết *Số đỏ*, những tư liệu về nạn mại dâm, về sức ép kinh tế thị trường trong đô thị kiểu phương Tây, sự lên ngôi của thương mại, dịch vụ, đồng tiền, sự phá vỡ cấu trúc xã hội phương Đông và với người nông dân, là những đe dọa về sinh kế... đã khiến cho xã hội có những diễn biến theo hướng “suy đồi”. Dĩ nhiên, cái nhìn của Vũ Trọng Phụng mang nhiều thiên kiến (thậm chí ông bị trừng phạt vì điều đó), nhưng rõ ràng đó là những tham khảo hữu ích đối với cái nhìn hồi cố cũng như những liên tưởng đương đại. ■

Chú thích:

- 1 Vũ Trọng Phụng (1998). *Lục xì*. NXB Văn học, tr. 9.
- 2 Việt Sinh - Trảng Khanh (1933): “Hà Nội ban đêm”, *Phong hoá* số 40, tr. 2.
- 3 Việt Sinh - Trảng Khanh (1933): “Hà Nội ban đêm”, *Phong hoá* số 54, tr. 2.
- 4 Việt Sinh - Trảng Khanh (1933): Lời thưa trước

- “Hà Nội ban đêm”, *Phong hoá* số 45, tr. 2. Xem thêm, “Cái luân lí của Hà Nội ban đêm”, *Phong hoá* số 57, tr. 2.
- 5 Việt Sinh - Trảng Khanh: “Hà Nội ban đêm”, *Phong hoá* số 48, thứ 6, ngày 26, tr. 2.
- 6 Vũ Trọng Phụng (1998). *Lục xì*. NXB Văn học, tr. 22.
- 7 Vũ Trọng Phụng (1998). *Lục xì*. NXB Văn học, tr. 26.
- 8 Nguyễn Vỹ (1969). *Văn thi sĩ tiền chiến*. Nhà sách Khai trí, tr. 52.
- 9 Vũ Trọng Phụng (1998). *Lục xì*. NXB Văn học, tr. 30.
- 10 Vũ Trọng Phụng (1998). *Lục xì*. NXB Văn học, tr. 29.
- 11 Lưu Trọng Lư (1939): “Điều văn đọc ngày 15/10/1939, bên mộ Vũ Trọng Phụng”, *Tiểu thuyết thứ Bảy* số 284, tr. 7.
- 12 Lại Nguyên Ân (1932): “Vài tư liệu về việc Vũ Trọng Phụng bị gọi ra toà năm 1932”, <http://languyen-nan.free.fr>.
- 13 Đặng Văn Chi (2008): “Báo chí tiếng Việt và vấn đề mại dâm trong xã hội Việt Nam thời thuộc địa”, *Nghiên cứu Gia đình và Giới* số 1, tr. 34- 43.
- 14 P. Zinoman: “Cộng hòa Thuộc địa của người Việt: Viễn kiến Chính trị của Vũ Trọng Phụng”, *dẫn lại từ* <http://tranhuong.net>.
- 15 Đặng Văn Chi (1932): *Công luận*, ngày 7/3/1932.
- 16 Hoàng Tố Mai (2014): “Định dạng hiện thực trong *Số đỏ*”, <http://vienvanhoc.vass.gov.vn>.
- 17 Kiêu Thanh Quế: “Làm đi của Vũ Trọng Phụng”, *Mai*, số 76, ngày 27/10/1939.
- 18 Lại Nguyên Ân (2009). *Mệnh môn chặt chội*. NXB Tri thức, tr. 296.
- 19 Đàm Đại Chính (2005). *Văn hoá, Tinh dục và Pháp luật*, (Bùi Hữu Hồng dịch). NXB Thế giới, tr. 331.
- 20 H. Miller: *Thế giới tính dục* (Hoài Khanh dịch). NXB Văn hoá Sài Gòn, tr. 7.
- 21 Karen L. Thornber (2016): “Lý thuyết chấn thương”, in trong: *Lý thuyết và ứng dụng lý thuyết trong nghiên cứu văn học*. NXB Khoa học Xã hội, tr. 120.
- 22 Nhiều tác giả. *Văn học Việt Nam thế kỷ XX (Tiểu thuyết trước 1945)*. Q.1, tập IX, NXB Văn học, tr. 589.